

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch
đầu tư công năm 2020 (lần 3)**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2020 (lần 3), như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

Theo quy định tại khoản 7 Điều 67 Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019, việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch vốn hằng năm phải được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định. Do đó, việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2020 (lần 3) là cần thiết và phù hợp theo quy định hiện hành nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 của tỉnh Hậu Giang.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích

a) Đảm bảo nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện tái cơ cấu đầu tư công trên địa bàn tỉnh.

b) Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả sử dụng các nguồn lực của nhà nước, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải; đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án sớm hoàn thành đưa vào sử dụng.

c) Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới đã hoàn thiện đầy đủ hồ sơ thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công và Nghị định hướng dẫn.

2. Quan điểm

a) Nhằm thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 của tỉnh, của các ngành, lĩnh vực, địa phương, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 08/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và các văn bản pháp luật có liên quan.

c) Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác, trong từng ngành, lĩnh vực và địa phương.

d) Bố trí vốn đầu tư tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, bố trí vốn không vượt thời gian quy định (không quá 4 năm đối với dự án nhóm B và không quá 3 năm đối với dự án nhóm C). Chỉ bố trí vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

đ) Bố trí vốn cho các dự án: Ưu tiên cho các dự án có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 nhưng không làm vượt tổng mức đầu tư của dự án; các dự án có quyết định phê duyệt quyết toán, tất toán tài khoản; phần còn lại xem xét bố trí các dự án khởi công mới năm 2020.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Căn cứ đề nghị của các sở, ban ngành tỉnh và UBND huyện, thị xã, thành phố về rà soát điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư dự thảo nội dung Tờ trình của UBND tỉnh và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; tổ chức lấy kiến góp ý của các đơn vị có liên quan; Sở Tư pháp đã thẩm định, đảm bảo đúng theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2020 (lần 3) gồm có 02 Điều.

2. Nội dung cơ bản

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2020 (lần 3), cụ thể như sau:

2.1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020

Tổng vốn điều chỉnh, bổ sung là 16.014 triệu đồng. Đề nghị bổ sung các dự án trong Kế hoạch trung hạn còn thiếu vốn; bố trí các dự án để tất toán tài khoản; phân bổ dự án bức xúc khởi công mới năm 2020, cụ thể như sau:

a) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh: điều chỉnh 15.062 triệu đồng, trong đó:

- Điều chỉnh giảm 15.062 triệu đồng (Bao gồm: điều chỉnh giảm 15 công trình không còn nhu cầu sử dụng 3.316 triệu đồng và 02 công trình không khả năng giải ngân vốn trong năm 2020: 11.746 triệu đồng).

- Đề nghị bố trí nguồn vốn giảm nêu trên cho 24 dự án tất toán tài khoản với giá trị: 2.206 triệu đồng, bố trí dự án khởi công mới năm 2020 đã đủ thủ tục: 10.631 triệu đồng (dự án Mở rộng diện tích xây dựng Khu di tích lịch sử “Địa điểm thành lập Ủy ban mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam tỉnh Cần Thơ” tại xã Thạnh Xuân, huyện Châu Thành A); bố trí thanh toán cho dự án Đường bê tông 2.5m Bờ tây kênh Năm Căn, ấp 3 xã Lương Tâm (do UBND huyện Long Mỹ làm chủ đầu tư): 2.225 triệu đồng.

b) Sở Giáo dục và Đào tạo: điều chỉnh giảm 10 triệu đồng, bố trí cho 02 dự án để tất toán tài khoản.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư: điều chỉnh giảm 285 triệu đồng, bố trí cho dự án Mở rộng diện tích xây dựng Khu di tích lịch sử “Địa điểm thành lập Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam tỉnh Cần Thơ” tại xã Thạnh Xuân, huyện Châu Thành A.

d) UBND thành phố Ngã Bảy: điều chỉnh giảm 259 triệu đồng, bố trí cho 02 dự án để tất toán tài khoản.

đ) UBND thị xã Long Mỹ: điều chỉnh giảm 149 triệu đồng, bố trí cho 01 dự án để tất toán tài khoản.

e) UBND huyện Châu Thành: điều chỉnh giảm 249 triệu đồng, bố trí cho 02 dự án để tất toán tài khoản.

g) UBND huyện Phụng Hiệp: điều chỉnh giảm 186 triệu đồng, bố trí cho 03 dự án để tất toán tài khoản.

(Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm)

2.2. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2020

Tổng vốn điều chỉnh, bổ sung của các đơn vị là 14.289 triệu đồng để bổ sung các dự án trong Kế hoạch trung hạn còn thiếu vốn; bố trí các dự án để tất toán tài khoản; phân bổ để thanh toán khối lượng hoàn thành; bố trí đối ứng các dự án nhà tài trợ, cụ thể như sau:

a) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh: điều chỉnh giảm 601 triệu đồng, bố trí cho 03 dự án để tất toán tài khoản.

b) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh: điều chỉnh giảm 4.742 triệu đồng, do các dự án không còn nhu cầu thanh toán để bổ sung thanh toán khối lượng hoàn thành dự án Trung tâm bảo trợ xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Hậu Giang.

c) Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Hậu Giang: điều chỉnh giảm 6.106 triệu đồng, vốn bố trí cho dự án Xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Sông Hậu đợt 2 - giai đoạn 1, huyện Châu Thành không còn nhu cầu thanh toán. Đề nghị điều chuyển sang dự án Xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1, huyện Châu Thành A để thanh toán khối lượng hoàn thành.

d) Đài Phát thanh và Truyền hình Hậu Giang: điều chỉnh giảm 1.339 triệu đồng do dự án Thiết bị Trung tâm Kỹ thuật Phát thanh - Truyền hình tỉnh Hậu Giang không còn nhu cầu thanh toán. Bổ sung cho các đơn vị:

- UBND huyện Long Mỹ: 779 triệu đồng, bố trí cho dự án Xây dựng 03 phòng học Trường Mẫu giáo Xà Phiên 2 (đối ứng nguồn vốn tài trợ).

- UBND huyện Châu Thành A: 560 triệu đồng, bổ sung vốn cho dự án Đường giao thông nông thôn; hạng mục: Tuyến So Đũa Bé (nối dài), do bố trí chưa đủ hạn mức trung hạn.

đ) UBND thị xã Long Mỹ: điều chỉnh giảm 210 triệu đồng của 01 dự án, bố trí cho 01 dự án để tất toán tài khoản.

e) UBND huyện Phụng Hiệp: điều chỉnh giảm 697 triệu đồng của 11 dự án do không còn nhu cầu sử dụng, bố trí cho 05 dự án để tất toán tài khoản.

g) UBND huyện Vị Thủy: điều chỉnh giảm 594 triệu đồng của 13 dự án do không còn nhu cầu sử dụng, bố trí cho 09 dự án để tất toán tài khoản.

(Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm)

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Trương Cảnh Tuyên

Nơi nhận

- Như trên;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, NCTH. PT.

Tư trình tham gia điều chỉnh 12/1/2020

DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN KÈO DÀI NĂM 2019 SANG NĂM 2020
(Kèm theo Tờ trình số: 1861 /TTr-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Hải Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020			Kế hoạch vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung			Giảm	Tăng	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối NSDP		Cân đối NSDP	XSKT		Cân đối NSDP	XSKT			
	Tổng số			1.109.314	719.560	47.793	5.819	41.974	47.793	5.819	41.974	16.014		
A	Tính quản lý			988.498	611.722	46.277	4.481	41.796	44.052	4.481	39.571	13.132		
I	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh			982.579	605.803	45.817	4.079	41.738	43.877	4.364	39.513	13.122		
(1)	Dự án tất toán tài khoản			364.230	248.632	79	79	-	2.285	500	1.785	2.206		
1	Trường THPT Cây Dương (phân hiệu Búng Tàu)	2015	1443/QĐ-UBND, 21/10/2014	6.827	6.827				80		80	80		
2	Trụ sở Sở Văn hóa Thể thao Du lịch tỉnh Hậu Giang	2008-2009	1555/QĐ-UBND, 05/9/2007	13.144	13.144				287		287	287		
3	Tu bổ, tôn tạo và nâng cấp di tích Đền thờ Bác Hồ	2009-2010	1325/QĐ-UBND, 14/5/2009	4.685	4.685				9		9	9		
4	Cụm tượng đài "Chiến thắng 75 lượt tiểu đoàn nguy"	2010-2012	619/QĐ-UBND, 17/3/2010	25.974	25.974				89		89	89		
5	Cổng chào đường nối Vị Thanh - Cần Thơ	2013	32/QĐ-SKHĐT 08/3/2013	1.188	1.188				5		5	5		
6	NC, SC Trường nghiệp vụ Văn hóa Thể thao Du lịch tỉnh Hậu Giang	2015	210/QĐ-SKHĐT 30/10/2014	994	994				8		8	8		
7	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	08/3/2011-31/12/2015	639/QĐ-UBND, 07/4/2011	31.933	31.933				239		239	239		
8	Phòng khám đa khoa khu vực Trà Lồng, H. Long Mỹ, tỉnh HG	05/3/2013-11/11/2013	2077/QĐ-UBND, 22/10/2012	8.528					212		212	212		
9	Trường THPT Lương Tấn	28/02/2018-31/10/2018	229/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	11.600	11.600				18		18	18		

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020			Kế hoạch vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung			Giảm	Tăng	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Căn đối NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Căn đối NSDP	XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Căn đối NSDP	XSKT		
10	Bệnh viện đa khoa H.Long Mỹ	2008 - 2017	1909/QĐ-UBND, 27/8/2008	103.216							253		253	253	
11	Trạm Y tế xã Long Bình (mới chia tách)	04/7/2017-20/8/2019	240/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	6.992	3.138						14		14	14	
12	Nâng cấp, sửa chữa Bệnh viện lao và Bệnh viện phổi tỉnh	14/3/2019-09/12/2019	487/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	8.009	8.009						3		3	3	
13	Nâng cấp, sửa chữa Trạm Y tế xã Thuận Hóa, huyện Long Mỹ.	2014-2015	116/QĐ-SKHĐT, ngày 11/7/2014	671	671						5		5	5	
14	Nâng cấp, sửa chữa Trạm Y tế xã Xã Phấn, huyện Long Mỹ.	2014-2015	137/QĐ-SKHĐT, 17/7/2014	3.515	3.515						2		2	2	
15	Nâng cấp, sửa chữa Trạm Y tế phường 3, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	2014-2015	140/QĐ-SKHĐT, 17/7/2014	3.657	3.657						2		2	2	
16	Nâng cấp, sửa chữa Trạm Y tế xã Hòa Lợi, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	2014-2015	139/QĐ-SKHĐT, ngày 17/7/2014	1.692	1.692						3		3	3	
17	Nâng cấp, sửa chữa Trạm Y tế xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A.	2014-2015	142/QĐ-SKHĐT, 17/7/2014	3.968	3.968						29		29	29	
18	Nâng cấp, sửa chữa Trạm Y tế xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A.	2014-2015	121/QĐ-SKHĐT, 11/7/2014	3.856	3.856						28		28	28	
19	Trạm Y tế xã Long Bình, huyện Long Mỹ.	2014-2015	212/QĐ-UBND, 10/02/2015	5.671	5.671						443		443	443	
20	Nâng cấp, sửa chữa Trạm Y tế xã Vị Trung, huyện Vị Thủy.	2014-2015	78/QĐ-SKHĐT, 23/6/2014	2.955	2.955						28		28	28	
21	Trạm Y tế thị trấn Long Mỹ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.	2015-2016	957/QĐ-UBND, 14/7/2015	6.576	6.576						28		28	28	
22	Trụ sở làm việc các hội có tính chất đặc thù của tỉnh	2016-2019	702/QĐ-UBND, 04/5/2016	54.885	54.885						180	180		180	

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020			Kế hoạch vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung			Giảm	Tăng	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối NSDP	XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối NSDP	XSKT		
23	Trụ sở làm việc Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang	2016-2018	1252/QĐ-UBND 30/10/2015	23.694	23.694	23.694				75	75		75	
24	Trụ sở làm việc Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp thuộc Sở Công Thương	2017-2019	1971/QĐ-UBND, 31/10/2016	30.000	30.000	30.000	79	79		245	245		166	
(2)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2018			123.543	101.326	3.463	3.463	-	3.463	3.125	-	3.125	338	
	Dự án nhóm B			80.931	80.931	2.181	2.181	-	2.181	2.159	-	2.159	22	
1	Trung tâm Kỹ thuật Phát thanh - Truyền hình tỉnh HG	2013-2020	265/QĐ-UBND, 24/2/2015	80.931	80.931	2.181	2.181		2.181	2.159		2.159	22	
	Dự án nhóm C			42.612	20.395	1.282	1.282	-	1.282	966	-	966	316	
1	NC, SC, MR TYT xã Phú An, H. Châu Thành, T. HG		120/QĐ-SKHĐT, 11/7/2014	3.577		81	81		81				81	
2	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh HG	2011-2016	2532/QĐ-UBND, 17/12/2010	29.967	13.395	964	964		964	910		910	54	
3	Bệnh viện Lao tỉnh Hậu Giang		2002/QĐ-UBND, 03/10/2016	2.068		226	226		226	55		55	171	
4	Trường THPT Trường Long Tây	2017-2019	245/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	7.000	7.000	11	11		11	1		1	10	
(3)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2019			60.374	43.482	1.286	1.286	-	1.286	948	-	948	338	
	Dự án nhóm C			60.374	43.482	1.286	1.286	-	1.286	948	-	948	338	
1	Trường THPT Tân Phú	2017-2019	244/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	5.000	5.000	57	57		57	38		38	19	
2	Trạm Y tế xã Thanh Xuân	2018-2020	223/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	7.599	3.745	531	531		531	516		516	15	
3	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh HG gồm các HM: Sân đường nội bộ...	2018-2020	225/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	14.999	14.999	321	321		321	177		177	144	

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020			Kế hoạch vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung			Giảm	Tăng	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối NSDP	XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối NSDP	XSKT			
4	Trường THPT Chuyên Vĩ Thanh	2018-2020	227/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	6.700	6.700	93		93	82		82	11		
5	Cải tạo, nâng cấp XD hệ thống xử lý nước thải và chất rắn y tế cải thiện môi trường BVĐK H.Vĩ Thủy; BV Lao và Bệnh phổi tỉnh HG	2015-2018	724/QĐ-UBND, 20/5/2015	26.076	13.038	284		284	135		135	149		
(4)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019			404.701	182.632	40.989	4.000	36.989	26.603	2.254	24.349	14.386	-	
	Dự án nhóm B			365.851	143.782	30.173	4.000	26.173	16.527	2.254	14.273	13.646	-	
1	Dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử Đền thờ Bác Hồ, xã Lương Tâm, huyện Long Mỹ	2016-2020	1529/QĐ-UBND, 30/10/2015	51.715	52.602	9.000		9.000	7.100		7.100	1.900		
2	ĐA xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải TP. Vĩ Thanh	2013-2020	1473/QĐ-UBND, 04/10/2016	274.136	51.180	4.000	4.000		2.254	2.254		1.746		
3	Xây dựng nhà máy nước Long Mỹ	2017-2019	1859/QĐ-UBND, 28/10/2016; 801/QĐ-UBND, 22/05/2018	40.000	40.000	17.173		17.173	7.173		7.173	10.000		
	Dự án nhóm C			38.850	38.850	10.816	-	10.816	10.076	-	10.076	740	-	
1	Trường Tiểu học TT Trà Lồng	2018-2020	2154/QĐ-UBND, 31/10/2017	32.000	32.000	7.287		7.287	7.157		7.157	130		
2	Trường THPT Vĩ Thanh	2018-2020	228/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017 và 208/QĐ-SKHĐT, 02/08/2019	6.850	6.850	3.529		3.529	2.919		2.919	610		
(5)	Dự án khởi công mới năm 2020			29.731	29.731	-	-	-	10.916	1.610	9.306	-	10.916	
1	Mở rộng diện tích xây dựng Khu di tích lịch sử "Địa điểm thành lập Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam tỉnh Cần Thơ" tại xã Thanh Xuân, huyện Châu Thành A	2020-2022	1907/QĐ-UBND, 31/10/2019	29.731	29.731				10.916	1.610	9.306		10.916	
II	Số Giáo dục và Đào tạo			2.497	2.497	58	-	58	58	-	58	10	10	
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2019			2.497	2.497	58	-	58	58	-	58	10	10	

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020				Kế hoạch vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung				Tăng	Ghi chú
			Số quyết định ngày, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cán đối NSDP	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cán đối NSDP	XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cán đối NSDP	XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cán đối NSDP	XSKT	
1	Trường THPT Châu Thành A	2018-2020	238/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	1.199	1.199		35		35	39		39	39			4
2	Trường THPT Ngã Sáu, huyện Châu Thành	2018-2020	476/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	999	999		4		4	10		10	10			6
3	Trường Dạy trẻ Khuyết tật tỉnh Hậu Giang	2018-2020	479/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	299	299		19		19	9		9	9			
III	Sở Kế hoạch và Đầu tư			3.421	3.421		402	402		117	117		285	285		
(1)	Dự án Quy hoạch và tất toán tài khoản			3.421	3.421		402	402		117	117		285	285		
1	Quy hoạch các dự án ưu tiên vận động thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tỉnh Hậu Giang thời kỳ đến năm 2025	2015-2026	1934/QĐ-UBND, 26/10/2017	553	553		72	72		39	39		33	33		
2	Quy hoạch các dự án ưu tiên vận động thu hút và sử dụng nguồn vốn các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài (NGO) tỉnh Hậu Giang thời kỳ đến năm 2025	2015-2026	1936/QĐ-UBND, 26/10/2017	553	553		72	72		39	39		33	33		
3	Quy hoạch các dự án ưu tiên vận động thu hút và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) tỉnh Hậu Giang thời kỳ đến năm 2025	2015-2026	1935/QĐ-UBND, 26/10/2017	553	553		72	72		39	39		33	33		
4	Quy hoạch mạng lưới cấp nước và sử dụng nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030	2015-2016	1802/QĐ-UBND, 19/12/2014	1.762	1.762		186	186					186			
B	Cấp Huyện quản lý			120.816	107.838		1.516	1.338	178	3.741	1.338	2.403	657	2.882		
I	UBND thành phố Ngã Bảy			28.154	28.154		450	450	-	450	450	-	259	259		
(1)	Dự án tất toán tài khoản			28.154	28.154		450	450	-	450	450	-	259	259		
1	Nâng cấp đường 1 tháng 5, phường Hiệp Thành, thị xã Ngã Bảy	2017-2019	QĐ 3729 ngày 31/10/2016	7.974.42	7.974.42		267.00	267.00		132.00	132.00		135			
2	Nâng cấp, mở rộng đường Ngô Quyền	2017-2019	QĐ 3741 ngày 31/10/2016	14.733.92	14.733.92		53.00	53.00		20.00	20.00		33			
3	Hoàn thiện đường Nguyễn Văn Nét	2019-2020	QĐ 2272 ngày 24/10/2017	2.475.86	2.475.86		130.00	130.00		39.00	39.00		91			

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020			Kế hoạch vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung			Giảm	Tăng	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối NSDP		Cân đối NSDP	XSKT		Cân đối NSDP	XSKT			
4	Mua sắm thiết bị nhà công vụ	2020	QĐ 1926 ngày 31/10/2019	1.970	1.970	-			196	196			196	
5	Di dời nhà bia ghi tên liệt sĩ xã Đại Thành	2020	QĐ 1913 ngày 31/10/2019	1.000	1.000	-			63	63			63	
II	UBND thị xã Long Mỹ			20.000	20.000	178	-	178	178	178	-	149	149	
(1)	Dự án tất toán tài khoản			20.000	20.000	178	-	178	178	178	-	149	149	
1	Trường tiểu học Long Trị I	2017-2019	1519/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	15.000	15.000	178		178	29	29		149		
2	Đường Nguyễn Việt Hồng	2018-2020	3638/QĐ-UBND ngày 24/3/2016	5.000	5.000				149	149			149	
III	UBND huyện Long Mỹ			49.183	40.531	592		592	2.817	592	2.225	-	2.225	
(1)	Dự án tất toán tài khoản			2.225	2.225	-	-	-	2.225	-	2.225	-	2.225	
1	Đường bê tông 2.5m Bờ tây kênh Năm Căn, ấp 3 xã Lương Tâm	2016-2018	43/QĐ-UBND 11/01/2019	2.225	2.225				2.225		2.225		2.225	
IV	UBND huyện Châu Thành			23.479	19.153	296		296	296	296	-	249	249	
(1)	Dự án tất toán tài khoản			23.479	19.153	296		296	296	296	-	249	249	
I	Cụm dân cư vượt lũ thị trấn Ngã Sáu (giai đoạn 2)	2009-2013	5018 ngày 27/11/2013	18.109	18.109	296		296	47	47		249		
2	Cầu giao thông nông thôn, bê tông, Kênh Lạc	2012-2013	3515/QĐ-UBND; ngày 23/10/2012	1.044	1.044				79	79			79	
3	Cầu Ông Hoạch, xã Đông Thành (ngang Ủy ban nhân dân xã Đông Thành)	2015-2019	2191/QĐ-UBND; ngày 16/6/2015	4.326					170	170			170	
V	UBND huyện Phụng Hiệp			37.184	-	296		296	296	296	57	186	186	
(1)	Dự án tất toán tài khoản			37.184	-	296		296	296	296	57	186	186	
1	Trung tâm Y tế huyện	2011-2013	1091/QĐ-UBND ngày 04/07/2011	33.993		296		296	110	110		186		

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020			Kế hoạch vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung			Giảm	Tăng	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối NSDP	XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối NSDP	XSKT			
2	Cầu kênh ranh xã Tân Bình	2016-2018	4733/QĐ-UBND 31/10/2016	969						57				57	
3	Trường tiểu học Long Thành 3; Hạng mục san lấp mặt bằng, sân, hàng rào	2016-2018	6051/QĐ-UBND 29/11/2016	910						40		40		40	
4	Trường mẫu giáo Hòa Mỹ điểm ấp 4, xã Hòa Mỹ, huyện Phụng Hiệp; Hạng mục: 02 phòng học sân chơi, thiết bị	2016-2018	1057/QĐ-UBND 10/10/2016	1.312						89		89		89	

Phụ lục II
DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020
(Kèm theo Tờ trình số: 1861 /TTr-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn năm 2020				Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung				Giảm	Tăng	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối NSDP			Cân đối NSDP	XSKT		Cân đối NSDP	XSKT					
	Tổng số			7.692.476	1.797.259	88.403	88.403	72.482	15.921	88.403	88.403	72.482	15.921	14.289	14.289		
A	Tỉnh quản lý			7.550.252	1.726.607	60.009	60.009	58.672	1.337	58.670	58.670	57.333	1.337	12.788	11.449		
I	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh			5.909.486	390.837	15.012	15.012	14.156	856	15.012	15.012	14.156	856	601	601		
(I)	Dự án tất toán tài khoản			5.909.486	390.837	15.012	15.012	14.156	856	15.012	15.012	14.156	856	601	601		
1	Cầu Tân Hiệp	2017-2019	1962/QĐ-UBND 31/10/2016; 324/QĐ-UBND 02/3/2017; 194/QĐ- UBND 28/01/2019	31.000	31.000	2.000	2.000	2.000		2.313	2.313	2.313			313		
2	Đường Tây Sông Hậu, thị xã Vị Thanh	2005-2019	594/QĐ-UBND 23/3/2005; 280/QĐ- UBND 01/3/2018	206.767	206.767	856	856		856	952	952	96	856		96		
3	Đường nối Vị Thanh - Cần Thơ	2007-2018	714/QĐ-UBND 25/4/2007; 1258/QĐ-UBND 7/6/2010; 65/QĐ- UBND 12/01/2018	5.373.830	60.000	5.917	5.917	5.917		6.109	6.109	6.109			192		
4	Hệ thống công ngăn mặn Nam kênh Xã Nô	2011-2017	1786/QĐ-UBND 05/10/2011; 1917/QĐ-UBND 6/12/2018	297.889	93.070	6.239	6.239	6.239		5.638	5.638	5.638		601			
II	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh			401.121	226.125	22.113	22.113	21.632	481	22.113	22.113	21.632	481	4.742	4.742		
(I)	Bổ trí tất toán tài khoản			193.727	63.727	4.370	4.370	4.370	-	1.270	1.270	1.270	-	3.100	-		
1	Trung tâm Hội nghị tỉnh	2015-2017	1239/QĐ-UBND, 28/8/2014	193.727	63.727	4.370	4.370	4.370		1.270	1.270	1.270		3.100			

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn năm 2020			Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung			Giám	Tăng	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối NSDP	XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối NSDP	XSKT			
(3)	Dự án hoàn thành năm 2020			207.394	162.398	17.743	17.262	481	481	20.843	20.362	481	1.642	4.742	
	Dự án nhóm B			164.996	120.000	14.239	13.758	481	481	17.746	17.265	481	1.235	4.742	
1	Trung tâm bảo trợ xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Hậu Giang	2017-2020	1919/QĐ-UBND, 31/10/2016	49.996	5.000	258	258			5.000	5.000			4.742	
2	Khu hậu cở đoàn ca múa nhạc dân tộc tỉnh và khu hành chính quản lý thuộc Trung tâm văn hóa tỉnh Hậu Giang	2017-2021	1940/QĐ-UBND 31/10/2016	115.000	115.000	13.981	13.500	481		12.746	12.265	481	1.235		
	Dự án nhóm C			42.398	42.398	3.504	3.504	-		3.097	3.097	-	407	-	
1	Nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Hậu Giang	2018-2020	214/QĐ-SKHBT, 31/10/2017	7.400	7.400	37	37			29	29		8		
2	Trụ sở làm việc, Hội trường Tỉnh ủy và các hạng mục phụ trợ.	2019-2021	1715/QĐ-UBND, 31/10/2018	23.024	23.024	1.593	1.593			1.308	1.308		285		
3	Sửa chữa Trụ sở làm việc các Ban xây dựng Đảng và Đoàn thể tỉnh.	2019-2021	485/QĐ-SKHBT, 31/10/2018	11.974	11.974	1.874	1.874			1.760	1.760		114		
III	Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Hậu Giang			1.159.645	1.029.645	17.360	17.360			17.360	17.360		6.106	6.106	
(3)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2020														
1	Xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Sông Hậu đợt 2-giai đoạn 1, huyện Châu Thành	2007-2019	376/QĐ-UBND	417.370	357.370	10.328	10.328			4.222	4.222		6.106		
2	Xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú Thành - giai đoạn 1, huyện Châu Thành A	2010-2020	1736/QĐ-UBND, 19/8/2010	742.275	672.275	7.032	7.032			13.138	13.138			6.106	
IV	Đài Phát thanh và Truyền hình Hậu Giang			80.000	80.000	5.524	5.524			4.185	4.185		1.339	-	
(3)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2020			80.000	80.000	5.524	5.524			4.185	4.185		1.339	-	

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn năm 2020				Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung			Giảm	Tăng	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cán đối NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cán đối NSDP	XSKT	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cán đối NSDP	XSKT			
1	Thiết bị Trung tâm Kỹ thuật Phát thanh - Truyền hình tỉnh Hậu Giang		2151/QĐ-UBND, 31/10/2017	80.000	80.000		5.524	5.524			4.185	4.185		1.339		
B	Cấp Huyện quản lý															
I	UBND thị xã Long Mỹ															
(1)	Dự án tất toán tài khoản															
1	Nâng cấp mở rộng tuyến đường về chợ Bình Hiếu	2015-2016	816/QĐ-UBND ngày 29/06/2015	1.006	1.006		413	413			203	203		210		
2	Trụ sở UBND xã Long Trị, thị xã Long Mỹ	2016-2020	2930/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	11.000	11.000		1.400	1.400			1.610	1.610			210	
II	UBND huyện Phụng Hiệp															
(1)	Dự án tất toán tài khoản															
	Dự án nhóm C															
1	Trung tâm Văn hóa-Thể thao huyện		4906/QĐ-UBND, 11/7/2014	32.198			1.181	1.181			1.012	1.012		169		
2	Trường mẫu giáo Tân Bình 2		1976/QĐ-UBND, 30/3/2016	1.680			168	168			121	121		47		
3	Nhà văn hoá ấp Phú Xuân		3332/QĐ-UBND, 22/5/2014	2.120			79	79			4	4		75		
4	Trường Mẫu giáo khu căn cứ Tỉnh ủy; Hàng mục: 02 phòng học, 01 phòng chức năng, sân đường		4735/QĐ-UBND, 31/10/2016	1.789							101	101			101	
(2)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2019															
	Dự án nhóm C															
1	NCSC trụ sở xã Phương Bình	2.575	4592/QĐ-UBND, 31/10/2017	2.575			2.339	2.339			1.996	1.996		343	-	
2	NCSC trụ sở xã Bình Thành		4591/QĐ-UBND, 31/10/2017	2.575			1.279	1.279			1.127	1.127		152		

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn năm 2020				Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung				Giảm	Tăng	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối NSDP	XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối NSDP	XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối NSDP	XSKT			
(3)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2020			10.057		5.936	5.936		6.469	6.469		6.469	6.469		63	596	
	Dự án nhóm C			10.057		5.936	5.936		6.469	6.469		6.469	6.469		63	596	
1	Nhà văn hoá ấp Long Sơn 1, xã Long Thạnh		6680/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.320		1.280	1.280		1.270	1.270		1.270	1.270		10		
2	Nhà văn hoá ấp Long Hoà A1, xã Long Thạnh		6683/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.200		1.164	1.164		1.146	1.146		1.146	1.146		18		
3	Nhà văn hoá ấp Long Trường 3, xã Long Thạnh		6681/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.200		1.164	1.164		1.151	1.151		1.151	1.151		13		
4	Nhà văn hoá ấp Long trường 1, xã Long Thạnh		6682/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.200		1.164	1.164		1.154	1.154		1.154	1.154		10		
5	Nhà văn hoá ấp Trường Khánh 2, xã Long Thạnh		6684/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.200		1.164	1.164		1.152	1.152		1.152	1.152		12		
6	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Long Thạnh 3 (điểm Long Trường 3), hạng mục: 6 phòng học nhà vệ sinh và thiết bị		4313/QĐ-UBND, 22/10/2018	1.099					270	270		270	270			270	
7	Thiết bị UBND xã Hòa Mỹ		6826/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.400					122	122		122	122			122	
8	Nâng cấp, sửa chữa các hạng mục hạ tầng trụ sở xã Hòa Mỹ		6824/QĐ-UBND, 31/10/2019	364					15	15		15	15			15	
9	Công trình UBND huyện Phụng Hiệp; Hạng mục: Cải tạo đài phun nước		6677/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.074					189	189		189	189			189	
III	UBND huyện Vị Thủy			72.103	57.867	15.732	2.294	13.438	15.732	2.294	13.438	15.732	2.294	13.438	594	594	
(1)	Dự án tất toán tài khoản			37.148	22.912	-	-	-	524	488	36	524	488	36	-	524	
1	Đường Lê Hồng Phong nối dài, huyện Vị Thủy	2013-2015	3534/QĐ-UBND ngày 24/10/2013	4.454	4.454	-			81	81		81	81			81	
2	Cụm dân cư vượt lũ xã Vị Đông	2011-2013	2314/QĐ-UBND, 22/4/2011	15.222	15.222	-			137	137		137	137			137	

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn năm 2020			Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung			Giám	Tăng	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cán đối NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cán đối NSDP	XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cán đối NSDP	XSKT			
3	Bia cấm hút tại trấn Nàng Mau, hạng mục: San lấp mặt bằng, hàng rào, sân đường nội bộ, cây xanh, bậc đỡ bia, cấp nước cây xanh, điện chiếu sáng	2010-2014	794/QĐ-UBND, 08/6/2010	637			-			22	22			22	
4	Giao thông nông thôn xã Vĩnh Thuận Tây năm 2014, hạng mục: Đường Kinh Ngang	2014-2016	3536/QĐ-UBND, 24/10/2013	8.492			-			73	73			73	
5	Nâng cấp, mở rộng tuyến đê bao kết hợp Giao thông nông thôn liên ấp 6-7, xã Vị Thẳng	2014-2016	2839/QĐ-UBND, 04/8/2014	2.759			-			139	139			139	
6	Nâng cấp, mở rộng Hội trường UBND các xã thuộc huyện Vị Thủy	2016-2018	QĐ số 10/QĐ-UBND ngày 18/01/2016	536	536	536	-			8	8			8	
7	Đường Trà Sắt Kênh Ngang	2016-2018	1055/QĐ-UBND Ngày 31/03/2016 UBND	4.448		2.100	-			28	28			28	
8	Trang bị cơ sở vật chất trường Mầm non Hoa Hồng	2018-2019	3842/QĐ-UBND, 30/10/2017	600	600	600	-			36		36		36	
(3)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2020			19.944	19.944	19.944	1.227	1.227	-	1.278	1.208	70	19	70	
1	Trường THCS Vị Bình, huyện Vị Thủy	2019-2020	3640/QĐ-UBND, 23/10/2018	13.944	13.944	13.944	-			70		70		70	
3	Nâng cấp, sửa chữa các trụ sở UBND xã thuộc huyện Vị Thủy. Hạng mục: UBND xã Vĩnh Thuận Tây, UBND xã Vị Bình, UBND xã Vĩnh Trường	2019-2020	3726/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	6.000	6.000	6.000	1.227	1.227		1.208	1.208		19		
(4)	Dự án khởi công mới năm 2020			15.011	15.011	15.011	14.505	1.067	13.438	13.930	598	13.332	575	-	
1	Xây dựng panô, Cổng chào, xã Vị Trung và các ấp	2020-2022	1004/QĐ-UBND, 28/6/2019	851	851	851	796		796	741		741	55		
2	Đường kênh 9 Thước, xã Vĩnh Trung	2020-2022	990/QĐ-UBND, 27/6/2019	960	960	960	905		905	847		847	58		
3	Huyện ủy Vị Thủy. Hạng mục: lắp đặt điện, nước, rãnh thoát nước, vỉa hè	2020-2022	1045/QĐ-UBND, 02/7/2019	1.100	1.100	1.100	1.067	1.067		954	598	356	113		
4	Nâng cấp sửa chữa đường Kinh Chùa (xã Vị Trung - Vị Đông)	2020-2021	3548/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.700	1.700	1.700	1.649		1.649	1.612		1.612	37		

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn năm 2020			Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung			Tăng	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối NSDP	XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối NSDP	XSKT		
5	Nâng cấp sửa chữa đường kênh 12000 ấp 7B1 xã Vị Thanh	2020-2021	3546/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.000	1.000	1.000	970		970	903		903	67	
6	Trường Mầm non Hòa Mĩ	2020-2021	3489/QĐ-UBND, 25/10/2019	2.800	2.800	2.800	2.716		2.716	2.683		2.683	33	
7	Trường Tiểu học Vị Thanh 2	2020-2021	3486/QĐ-UBND, 25/10/2019	2.000	2.000	2.000	1.940		1.940	1.903		1.903	37	
8	Trường Tiểu học Vị Bình 2	2020-2021	3485/QĐ-UBND, 25/10/2019	2.000	2.000	2.000	1.940		1.940	1.885		1.885	55	
10	Trường Tiểu học Vị Thủy 2, ấp 4	2020-2021	3480/QĐ-UBND, 25/10/2019	500	500	500	485		485	469		469	16	
11	Trường Tiểu học Nàng Mau 2	2020-2021	3479/QĐ-UBND, 25/10/2019	1.000	1.000	1.000	970		970	953		953	17	
12	Trường Tiểu học Vị Bình 2 (diêm B)	2020-2021	3477/QĐ-UBND, 25/10/2019	1.100	1.100	1.100	1.067		1.067	980		980	87	
IV	UBND huyện Long Mỹ			1.555	1.555	779	-	-	-	779	779	-	779	
(4)	Dự án khởi công mới năm 2020			1.555	1.555	779	-	-	-	779	779	-	779	
1	Xây dựng 03 phòng học Trường Mẫu giáo Xã Phiên 2	2020-2021	210/QĐ-SKHĐT, 15/7/2020	1.555	1.555	779				779	779		779	Đổi ứng
V	UBND huyện Châu Thành A			3.566	3.566	-	1.146	-	1.146	1.706	560	1.146	560	
(4)	Dự án khởi công mới năm 2020			3.566	3.566	-	1.146	-	1.146	1.706	560	1.146	560	-
1	Đường giao thông nông thôn; hạng mục: Tuyến So Đũa Bè (nối dài)		3232/QĐ-UBND ngày 16/10/2019	3.566	3.566		1.146		1.146	1.706	560	1.146	560	